TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **354/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Anh Đức**

Bà **Trương Thị Thái**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Sơn Dũng** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **N.T.T.H**, sinh năm 19…. - *Có mặt.*

Nơi thường trú: Thôn P, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **N.M.T**, sinh năm 19... - *Xin vắng mặt.*

Nơi thường trú: Thôn P, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Hiện chấp hành án tại Đội …, Phân trại …, Trại giam Thanh Xuân, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn, Bản tự khai ngày 27/5/2024, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là chị **N.T.T.H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau 02 năm tìm hiểu, ngày 03/3/2016, chị và anh N.M.T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị và anh T thuê nhà ở thôn P, xã H để ở. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu do bất đồng quan điểm, không hợp tính

cách, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau. Cuối tháng 4/0216, chị sinh con gái. Tháng 5/2016, anh T bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản, sau đó bị phạt 01 năm tù. Anh T chấp hành án đến tháng 5/2017, thì ra tù, về địa phương. Vợ chồng chung sống nhưng lại tiếp tục mâu thuẫn. Cuối năm 2018, chị và con thuê nhà khác để ở, vợ chồng sống ly thân. Cuối năm 2019, chị đồng ý cho anh T đến ở cùng mẹ con chị, vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Anh T không có thu nhập, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, hàng tháng không đóng góp tiền sinh hoạt. Tháng 6/2021, anh T bị bắt về hành vi cướp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai xử phạt 7 năm 6 tháng tù, chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân. Chị đã nhiều lần vào thăm anh T và bàn bạc việc ly hôn. Lần gần nhất vào tháng 4/2024, anh T cũng đồng ý ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu N.K.N, sinh ngày 28/4/20.., do chị nuôi dưỡng, sức khỏe bình thường, chuẩn bị vào lớp 3 Trường tiểu học H. Nay xin ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Chị làm tiểu thương, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng, hiện thuê nhà cấp 4, diện tích 25m^2 tại thôn P, xã H để 02 mẹ con ở. Về tài sản chung, nhà ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh T không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 08/7/2024, bị đơn là anh **N.M.T** trình bày: Anh và chị N.T.T.H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/3/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý. Anh và chị H có 01 con chung là cháu N.K.N, sinh ngày 28/4/20…, đang ở với chị H. Sau ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện anh đang chấp hành án phạt tù, chưa có điều kiện chu cấp, sau này anh có điều kiện, sẽ có trách nhiệm với con. Anh và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/7/2024, Công chức Tư pháp xã H cung cấp: Chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H. Quá trình chung sống tại địa phương, chị H, anh T có mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, kinh tế gia đình, có đánh cãi chửi nhau, anh T đập phá đồ đạc, đuổi đánh chị H ra khỏi nhà. Đại diện thôn có đến hòa giải, góp ý, nhưng không được. Từ năm 2021, anh T phải đi chấp hành hình phạt tù. Chị H một mình nuôi con, vợ chồng ly thân. Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Khả Ngân, sinh năm 2016. Nay chị H xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật, bảo đảm quyền lợi tốt nhất về môi trường sống, học tập cho cháu N.

Tại phiên tòa, chị H không rút đơn xin ly hôn, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày; anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T. Giao con chung là cháu N.K.N cho chị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, nên không xem xét. Chị H và anh T không có tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N.T.T.H khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn đối với anh N.M.T, đăng ký thường trú tại thôn P, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, anh N.M.T là bị đơn, đang chấp hành bản án phạt tù tại Đội .., Phân trại …, Trại giam T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N.T.T.H và anh N.M.T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/3/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hà Nội, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh T thuê nhà ở thôn P, xã H để ở. Theo chị H, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau. Tháng 5/2016, anh T bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản, sau đó bị xử phạt 01 năm tù. Tháng 5/2017, anh T ra tù, vợ chồng chung sống nhưng lại tiếp tục mâu thuẫn. Cuối năm 2018, chị H thuê nhà khác để ở, vợ chồng sống ly thân. Cuối năm 2019, chị H đồng ý cho anh T đến ở cùng nhưng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Tháng 6/2021, anh T bị bắt về hành vi cướp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai xử phạt 7 năm 6 tháng tù, chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân. Nay chị H xin ly hôn, anh T khai vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng đồng ý ly hôn. Xét thấy, từ nhiều năm qua, chị H và anh T không sống chung, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị N.T.T.H và anh N.M.T có 01 con chung là cháu N.K.N, ngày 28/4/20.., chuẩn bị lên lớp 3, Trường tiểu học H, sức khỏe bình thường, do chị H nuôi dưỡng. Hiện chị H thuê nhà cấp 4, diện tích 25m^2 tại thôn P, xã H để 02 mẹ con ở. Nay chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngân sau khi ly hôn, cháu Ngân có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Anh T có lời khai đồng ý giao con cho chị H. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án giao cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh T không trực tiếp nuôi con, nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do anh T đang chấp hành bản án phạt tù, không có điều kiện thực hiện nghĩa vụ. Chị H làm tiểu thương, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị N.T.T.H và anh N.M.T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N.T.T.H, anh N.M.T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N.T.T.H là nguyên đơn, nên căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trang phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.T.T.H đối với anh N.M.T. Chị H được ly hôn anh T.

2. Về con chung:

- Chị N.T.T.H và anh N.M.T xác nhận có 01 con chung là cháu N.K.N, sinh ngày 28/4/20...

- Giao cháu N.K.N cho chị N.T.T.H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, nên Tòa án không xem xét.

- Anh N.M.T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị N.T.T.H và anh N.M.T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N.T.T.H, anh N.M.T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị N.T.T.H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007216 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Chị N.T.T.H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N.M.T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
  (GCNKH số 19, ngày 03/3/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam